

ruột du
rửa thẹn
rừng
ruột theo

sạch-sẽ
sang máu
sáng-lập
sáng loáng
say sóng
sâm-banh
sâu (răng)
sỏi
song song
sóng
sơn
sửa
súc miệng
sung-sướng
sùng đạo
suy-nghĩ
sự
sữa
súc ép
sừng tê

appendix (75)
to wash away the shame (H79)
forest (73)
to pursue (73)

S

clean (C78)
to give a blood transfusion (79)
to found (C66)
sparkling (C78)
to be sea-sick (68)
champagne (80)
decayed (tooth) (76)
pebble, gravel (g80)
parallel (G68)
wave (68)
lacquer, to paint (G80)
to bark (72)
to rinse the mouth (76)
happy (65)
very religious (C66)
to think, reflect (75)
affair, matter (75)
milk (67)
pressure (67)
rhinoceros horn (H76)

VS. LL 65-80

T

tài-đức	talented and virtuous (H76)
tài giỏi	talented (H73)
tài-trí	talented (H70)
tan	to disperse, fall apart (H67)
tạp-chí	magazine (66)
tàu quét mìn	mine sweeper (78)
tập-kích	to ambush (72)
tàu ngầm	submarine (77)
tiềm-thủy-dĩnh	submarine (77)
tiên-sĩ	doctor's degree, Ph.D's (H79)
tiếp-dãi-viên	steward, stewardess (67)
tiếp-đón	to welcome (C75)
Tin-lành	Protestantism (C69)
tín-hữu	believer (C69)
tỉnh sương	early in the morning (G80)
tỉnh	to be conscious, awake (75)
tỉnh dậy	to awaken (75)
to	large (69)
Tòa-thánh	religious capital, Cadai's temple (C69)
toàn	all, entire (72)
toàn-quyền	overall authority (C66)
tóm lấy	to grasp (G77)
tốc-độ	speed (68)

VS. LL 65-80

tổng-tu-linh	commander-in-chief (73)
tơ lụa	silk, silk cloth (G65)
tuần-hành	"roger", "romeo" (69)
tuần-duong-hạm	cruiser (77)
tục-truyền	tradition (C78)
Tứ-Thư	the Four Books (C66)
tử-tế	to be kind, nice (66)
 <u>Th</u>	
tham-mưu	staff member (H79)
thảm-bại	shamefully defeated (H70)
thanh bảo kiếm	a rare sword (C78)
thành-phố	city (66)
tháp	tower (C78)
thắng-lợi	gain, success (71)
thâm	to absorb (74)
thần kinh	nerve (74)
thần-tiên	the deities (C66)
thê	to replace (C75)
thiên-tạo	natural (G68)
thiện-chiến	having combat experience (71)
thiệt-hại	damage (70)
thiếu-thốn	to lack (H76)
thông-báo-hạm	dispatch vessel (message relay ship) (77)
thông-hành (giấy -)	passport

thư-ký	secretary (66)
thở	to breathe (74)
thời bình	peace time (G71)
thu-nhặt	to gather little by little (H76)
thu-xếp	to get ready
thua	defeated (71)
thuận-tiện	convenient (78)
thuốc mê	anaesthetic (75)
thủy-chiến	sea battle (77)
thủy-thò	climate (H67)
thủy-sư đồ-dốc	admiral (77)
thủy-triều	tide (water) (68)
Thụy-sĩ	Switzerland (65)
thức dậy	to wake up (72)
thuốc	meter (69)
thượng-du	highlands (69)

Tr

trả-thù	to revenge oneself (79)
trám	to solder (76)
trang-bị	to arm (73)
tránh	to get away from (70)
trao quyền	to hand the power (H73)
trắng	white (67)
tro	ash (G71)
trong khi ...	while ... (66)

VS. LL 65-80

trở tay không kịp

trông nom

trồng

trục

Trung-Á

trung-thành

truyền-đơn

trường bay

ừ

ưa

ưng-thuận

ước-ao

vả lại

vàng

văn-chương

vẻ

vèo vèo

vị

vị-trí

việc bếp nước

Việt-Nam-hóa

having no chance to react (77)

to look after (G80)

to grow something,
to plant (G71)

to lift up (68)

Middle-Asia (H67)

loyal (C66)

leaflet (70)

airport (70)

Ừ

Oh, yes! (68)

to like (G80)

to agree (H76)

to long for (65)

V

besides (73)

gold (76)

literature (H79)

appearance (80)

with great speed (72)

particle indicating
respect (C78)

position (69)

cooking (C75)

Vietnamized (G65)

VS. LL 65-80

grit in your bearings
"grit in your berries"

vò	to crumple (G77)
vòng vây	encirclement (73)
vội vàng	hurriedly (C75)
vớt	to fish out (78)
vững	stable, firm (G65)
việt	to pass (67)

X

xách	to carry (by one hand) (66)
xây dựng	to build (G65)
xen vào	to insert (G71)
xi-măng	cement (71)
xin hòa	to ask for peace (H76)
xôi	steamed sweet rice (G71)
xông vào	to charge, rush in (H79)
xung-phong	military assault (71)
xuồng	boat (wooden) (78)
xuyên	to bore through (73)
Xuyên-Việt	trans-Vietnam (G68)
xưa kia	formerly (C72)
xương	bone (79)

Y

y-tá	a medic (79)
Ý, (Ý-đại-lợi)	Italy (65)
yên tâm	peace of mind (74)

VS. LL 65-80